

ĐIỂM THI
KỶ THI NÂNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTNCC ngày tháng 12 năm 2022 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	CVC 01	Lê Tùng Anh	09-08-1977		Phòng XDCQ và CCHC, Sở Nội vụ	46/60		66,5
2	CVC 02	Phạm Thị Lan Anh		28-11-1978	Sở Tài nguyên và Môi trường	52/60		73
3	CVC 03	Vũ Thế Anh	22/01/1989		phòng PBGDPL Sở Tư pháp	52/60		73,5
4	CVC 04	Phạm Phú Bảo	07-10-1971		Phòng Đất đai và đo đạc, bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường	42/60		65
5	CVC 05	Nguyễn Thị Thanh Bình		05/4/1980	Văn phòng, Sở Khoa học và Công nghệ	48/60		57,5
6	CVC 06	Bùi Hữu Cam	14-04-1979		UBND thành phố Lai Châu	53/60		71
7	CVC 07	Lê Thị Ngọc Châm		27-06-1982	Phòng QL VHGD, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51/60		72,5

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
8	CVC 08	Vàng Văn Châu	15/5/1982		Phòng Nội vụ huyện Mường Tè	41/60		52,5
9	CVC 09	Lê Thị Mai Chi		02/02/1983	Sở Ngoại vụ	37/60		71,5
10	CVC 10	Bùi Văn Chính	24/02/1967		Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng Sở Xây dựng	37/60		65,5
11	CVC 11	Nguyễn Văn Chính	17/9/1974		Văn phòng HĐND và UBND huyện Sìn Hồ	41/60		66
12	CVC 12	Phạm Chiến Công	24/10/1979		Phòng GD&ĐT huyện Tam Đường	47/60		66,75
13	CVC 13	Nguyễn Thị Hồng Cúc		13-08-1982	Phòng XDCQ và CCHC, Sở Nội vụ	49/60		71
14	CVC 14	Vũ Văn Cương	27/02/1979		UBND huyện Mường Tè	41/60		59,5
15	CVC 15	Phạm Mạnh Cường	06/8/1983		Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	50/60		72,75
16	CVC 16	Phong Vĩnh Cường	20/01/1974		Văn phòng HĐND-UBND huyện Tam Đường	40/60		68,75
17	CVC 17	Trần Minh Cường	13/10/1976		Văn phòng Sở Công Thương	49/60		56,5

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
18	CVC 18	Trịnh Xuân Đại	03-10-1978		Văn phòng HĐND-UBND huyện Mường Tè	43/60	4/30	
19	CVC 19	Nguyễn Tiến Đạt	02/5/1977		Tổ chức - Hành chính Liên minh HTX tỉnh	48/60	12/30	
20	CVC 20	Nguyễn Thị Định		29-10-1986	Phòng Lãnh sự - Hợp tác quốc tế Sở Ngoại vụ	48/60		66
21	CVC 21	Nguyễn Thanh Đồng	26/11/1975		Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	42/60		66
22	CVC 22	Đoàn Anh Đức	12/01/1980		Phòng Kinh tế ngành - Tái định cư, Văn phòng UBND tỉnh	48/60		71,25
23	CVC 23	Nguyễn Anh Đức	18/08/1980		Phòng Kinh tế ngành - Tái định cư, Văn phòng UBND tỉnh	47/60		74,25
24	CVC 24	Nguyễn Thị Dung		28-11-1972	HĐND thành phố Lai Châu	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
25	CVC 25	Hoàng Xuân Dũng	30/6/1975		Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè	51/60		71,25
26	CVC 26	Ngô Tiến Dũng	07/10/1978		Phòng GDMN-TH, Sở Giáo dục và Đào tạo	36/60		69,5
27	CVC 27	Trần Văn Dũng	05/11/1977		Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	39/60	14/30	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
28	CVC 28	Đieu Tiến Dương	12/10/1972		Phòng Quản lý vận tải - Phương tiện và Người lái, Sở Giao thông Vận tải	38/60		50,5
29	CVC 29	Tổng Văn Dương	31/3/1973		Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lai Châu	38/60		59,25
30	CVC 30	Bùi Văn Duy	10-10-1980		Phòng QLTDTT, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	41/60		61
31	CVC 31	Dương Thị Hải Duyên		29/01/1982	Ban Tiếp công dân, Văn phòng UBND tỉnh	45/60		73
32	CVC 32	Nguyễn Đức Duyên	15/01/1980		Chi cục Trồng trọt & Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	39/60		66
33	CVC 33	Lưu Hoàng Giang	08/02/1981		Ban Kinh tế - Xã hội của HĐND huyện Tam Đường	52/60		63,75
34	CVC 34	Nguyễn Trường Giang	10/10/1983		Phòng Kế hoạch - tài chính Sở Y tế	40/60		52,75
35	CVC 35	Lê Thị Thu Hà		17-09-1983	Phòng Tổ chức biên chế, Sở Nội vụ	45/60		74,25
36	CVC 36	Hoàng Diệp Hà		02/02/1984	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	42/60		69
37	CVC 37	Hoàng Minh Hải	23/11/1981		Phòng Kinh tế ngành - Tái định cư, Văn phòng UBND tỉnh	45/60		72

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
38	CVC 38	Trần Minh Hải	20/12/1982		Phòng Quản lý giá công sản và tài chính DN Sở Tài chính	50/60		71,5
39	CVC 39	Trịnh Ngọc Hải	05/05/1981		Phòng GD&ĐT huyện Than Uyên	36/60		68,5
40	CVC 40	Trương Thị Thu Hằng		07/7/1977	Phòng Hành chính - Tổ chức, Văn phòng UBND tỉnh	48/60		53,75
41	CVC 41	Nguyễn Đức Hạnh	08/8/1979		Phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư	38/60		68,75
42	CVC 42	Nguyễn Thị Thu Hiền		02/01/1972	Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế	49/60		57,25
43	CVC 43	Bùi Văn Hiền	01-04-1974		Phòng Môi trường và biến đổi khí hậu, Sở Tài nguyên và Môi trường	47/60		52,25
44	CVC 44	Phạm Văn Hiếu	25/8/1981		Phòng Dân tộc huyện Tam Đường	51/60		64
45	CVC 45	Lý Công Hòa	07/4/1980		Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Mường Tè	38/60		43,5
46	CVC 46	Nguyễn Việt Hòa	21/7/1983		Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Mường Tè	46/60	7/30	
47	CVC 47	Trương Quốc Hoàn	18/02/1978		Phòng GD&ĐT huyện Mường Tè	45/60		50,5

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
48	CVC 48	Lê Thị Hợi		03/02/1983	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giao thông Vận tải	50/60		59,25
49	CVC 49	Lê Hữu Hồng	29/3/1977		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phong Thổ	49/60		70,5
50	CVC 50	Nguyễn Thị Hồng		05-12-1981	Phòng Quản lý Ngân sách, Sở Tài chính	51/60		72,25
51	CVC 51	Phạm Thị Nam Hồng		30/7/1978	Phòng Kiểm soát TTHC, Văn phòng UBND tỉnh	39/60		61,5
52	CVC 52	Nguyễn Văn Hợp	21/5/1981		Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Sở KH&CN	45/60		37,75
53	CVC 53	Trần Như Hợp	25/4/1987		Văn phòng HĐND-UBND huyện Tam Đường	51/60		51
54	CVC 54	Bùi Thị Huế		30-06-1979	Phòng Khoáng sản, tài nguyên nước Sở Tài nguyên và Môi trường	44/60		56,5
55	CVC 55	Vũ Thị Huệ		05-04-1974	Phòng Lao động TB&XH thành phố	34/60		59
56	CVC 56	Bùi Phi Hùng	08/10/1981		Phòng Kinh tế ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư	38/60		52
57	CVC 57	Đặng Thế Hùng	20/12/1981		Phòng Nội vụ huyện Mường Tè	46/60		63,5

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
58	CVC 58	Đặng Văn Hùng	18/02/1977		Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế	35/60		30
59	CVC 59	Trần Văn Hùng	20/4/1981		Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	51/60		80
60	CVC 60	Vũ Ngọc Hùng	22-03-1981		Phòng Văn xã, Văn phòng UBND tỉnh	45/60		59,5
61	CVC 61	Vũ Văn Hùng	05/11/1982		Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	46/60	15/30	71,75
62	CVC 62	Đặng Việt Hưng	08/11/1981		HĐND thành phố Lai Châu	39/60		51
63	CVC 63	Hoàng Hải Hưng	12/01/1970		Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế	42/60		41
64	CVC 64	Bùi Thị Thu Hương		10/02/1980	Ban Tiếp công dân, Văn phòng UBND tỉnh	49/60		72
65	CVC 65	Đinh Thị Lan Hương		03-03-1981	Vụ Tổ chức hành chính, Văn phòng Chủ tịch nước	38/60	26/30	77,5
66	CVC 66	Nguyễn Thanh Hương		24/11/1983	Phòng Hành chính - Tổ chức, Văn phòng UBND tỉnh	51/60		69
67	CVC 67	Phạm Thị Hương		02/10/1984	Phòng GD&ĐT huyện Mường Tè	47/60		71,5

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
68	CVC 68	Trần Thị Kim Hương		04/7/1982	Phòng Quản lý khoa học và công nghệ	39/60		56,75
69	CVC 69	Quách Tất Hưởng	20-05-1979		Văn Phòng HĐND - UBND huyện Nậm Nhùn	45/60		59,5
70	CVC 70	Lê Thanh Huy	05/3/1976		Phó Chủ tịch UBND huyện Tân Uyên	46/60		67,75
71	CVC 71	Nguyễn Quang Huy	03/8/1984		Phòng Quản lý khoa học và công nghệ, Sở KH&CN	39/60		50,75
72	CVC 72	Vũ Thị Huyền		30-07-1975	Văn phòng Sở Tài chính	39/60		27,5
73	CVC 73	Nguyễn Thị Huyền		15/8/1976	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	43/60		51
74	CVC 74	Nguyễn Thị Huyền		03/02/1980	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở KH&CN	42/60		50,5
75	CVC 75	Bế Đình Lai	01/4/1977		Phòng Chính sách Dân tộc - Ban Dân tộc	47/60		67,5
76	CVC 76	Bùi Thị Lan		02/12/1987	Phòng Bưu chính viễn thông CNTT, Sở Thông tin và Truyền thông	56/60		59
77	CVC 77	Trần Thị Lan		23/9/1982	Sở Nông nghiệp và PTNT	47/60		60,5

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
78	CVC 78	Nguyễn Kiều Linh		28-11-1982	Vụ Tổ chức hành chính, Văn phòng Chủ tịch nước	50/60	23/30	74
79	CVC 79	Bùi Ngọc Loan		05/8/1984	Văn phòng, Sở Khoa học và Công nghệ	51/60		52
80	CVC 80	Phùng Thị Hương Loan		02/9/1983	Sở Ngoại vụ	46/60		73,5
81	CVC 81	Vũ Văn Luận	20/02/1982		Phòng Nội vụ huyện Tam Đường	49/60		74
82	CVC 82	Dương Đình Mai	10-03-1975		Phòng Văn xã, Văn phòng UBND tỉnh	49/60		69
83	CVC 83	Sùng Thị Mai		15/02/1988	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	47/60		66,25
84	CVC 84	Lò Văn Miên	15/7/1979		Phòng Lao động-TB&XH huyện Phong Thổ	39/60		68,25
85	CVC 85	Lê Thị Na		15/9/1984	Sở Tư pháp	49/60		67,25
86	CVC 86	Vũ Hoài Nam	24-11-1988		Phòng Tổng hợp - Nội chính, Văn phòng UBND tỉnh	54/60		71,5
87	CVC 87	Nguyễn Thị Nga		04/10/1978	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo	44/60		72,5

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
88	CVC 88	Trần Thị Linh Nga		15/6/1978	Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	41/60		50,5
89	CVC 89	Võ Văn Ngo	18/3/1979		Sở Nông nghiệp và PTNT	49/60		70,25
90	CVC 90	Phan Văn Ngọc	06-11-1981		Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Than Uyên	49/60		71
91	CVC 91	Dương Thị Nhài		28-03-1981	Phòng Kinh tế thành phố Lai Châu	47/60		75,5
92	CVC 92	Lê Thị Hương Nhân		06/02/1984	Chi cục Chăn nuôi và Thú y, thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Lai Châu	42/60		72,5
93	CVC 93	Nguyễn Thị Nhân		14/01/1983	phòng Tư pháp huyện Tam Đường	51/60		74,75
94	CVC 94	Trương Thị Nhân		14/3/1973	Chi cục Trồng trọt & Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	47/60		62,5
95	CVC 95	Nguyễn Duy Nhi	19/5/1980		Văn phòng Điều phối Nông thôn mới, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lai Châu	49/60		61,75
96	CVC 96	Nguyễn Đức Nhuận	28-10-1980		Phòng Quản lý biên giới Sở Ngoại vụ	49/60		68
97	CVC 97	Trần Thị Nhung		30/11/1984	Trưởng phòng Tư pháp huyện Tân Uyên	53/60		80,5

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
98	CVC 98	Lí Phi Nu		02/3/1974	Thanh tra Sở Nội vụ	47/60		75,25
99	CVC 99	Lê Hồng Quân	01-06-1978		Quản lý du lịch Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	34/60		52,25
100	CVC 100	Nguyễn Như Quỳnh	12/12/1981		Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	44/60		63,5
101	CVC 101	Nguyễn Duy Sơn	22/10/1977		Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	50/60		61,75
102	CVC 102	Nguyễn Văn Sơn	22/6/1980		Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện Tân Uyên	46/60		70,75
103	CVC 103	Hà Văn Sơn (Hà Đức Sơn)	26-02-1979		UBND huyện Nậm Nhùn	33/60		67,75
104	CVC 104	Định T. Kim Oanh		14-05-1979	Phòng Tài chính, HCSN Sở Tài chính	50/60		70,75
105	CVC 105	Nguyễn Xuân Khắc	13/02/1976		Phòng Nội vụ huyện Tam Đường	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
106	CVC 106	Trần Ngọc Khấn	09/6/1972		Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phong Thổ	47/60		67,75
107	CVC 107	Trần Quang Kháng	05-08-1982		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	46/60		50,75

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
108	CVC 108	Nguyễn Duy Khoan	10/01/1983		Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	45/60		71,75
109	CVC 109	Phạm Huỳnh Kháng	30/4/1981		Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế	48/60		75,25
110	CVC 110	Cao Thế Khanh	03/12/1978		Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế	40/60		65,75
111	CVC 111	Ngô Hồng Kiên	06-06-1981		Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Nậm Nhùn	43/60		54,5
112	CVC 112	Vũ Hồng Kiểm	08-03-1982		Phòng Quản lý Ngân sách, Sở Tài chính	47/60		59,5
113	CVC 113	Trần Xuân Kiên	24-11-1977		Phòng QLTDTT, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	44/60		77,5
114	CVC 114	Trịnh Ngọc Phan	27/9/1966		Phó Trưởng phòng Tư pháp huyện Tân Uyên	39/60		71,75
115	CVC 115	Vũ Văn Phi	18/02/1971		Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế	42/60		72,25
116	CVC 116	Lê Văn Phong	12-12-1976		HĐND thành phố Lai Châu	50/60		73
117	CVC 117	Nguyễn Thế Phong	05/9/1971		Sở Y tế Lai Châu	38/60		67,5

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
118	CVC 118	Ngô Thị Minh Phượng		26/12/1980	Chi cục Trồng trọt & Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	41/60		50
119	CVC 119	Nguyễn Thị Phượng		27/5/1980	Phòng Quản lý khoa học và công nghệ	44/60		64,75
120	CVC 120	Lê Văn Tài	06-01-1988		Phòng XDCQ và CCHC, Sở Nội vụ	47/60		73,75
121	CVC 121	Lò Văn Thạch	15/5/1980		Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	48/60		59,5
122	CVC 122	Phạm Hồng Thái	06-09-1986		Văn phòng UBND tỉnh	42/60		70,5
123	CVC 123	Nguyễn Văn Thắng	28/4/1977		UBND huyện Than Uyên	34/60		60,25
124	CVC 124	Nguyễn Đức Thắng	28/02/1981		Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	47/60		61,25
125	CVC 125	Chu Thị Thu Thanh		19/07/1981	Văn phòng, Sở Khoa học và Công nghệ	38/60		65
126	CVC 126	Nguyễn Trung Thành	27-10-1975		Phòng GDTrH-TX&CN, Sở Giáo dục và Đào tạo	42/60		53
127	CVC 127	Nguyễn Đại Thành	19/9/1986		Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông , Sở Giao thông Vận tải	40/60		64,75

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
128	CVC 128	Quách Văn Thành	10/4/1984		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường Tè	37/60		72,5
129	CVC 129	Trần Văn Thành	01/01/1980		Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở KH&CN	42/60		40,5
130	CVC 130	Nguyễn Công Thao	18/7/1982		Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	46/60		64,5
131	CVC 131	Chang Phương Thảo		01/8/1982	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	38/60		66,5
132	CVC 132	Tô Văn Thiết	01/5/1966		Phòng Tư pháp thành phố Lai Châu	44/60		66
133	CVC 133	Lê Quý Thịnh	09-06-1978		Văn phòng HĐND và UBND huyện Than Uyên	36/60		69,5
134	CVC 134	Nguyễn Xuân Thúc	27/9/1968		Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	48/60		76
135	CVC 135	Nguyễn Trọng Thúc	30/4/1981		Quản lý Công nghiệp Sở Công Thương	55/60		72,75
136	CVC 136	Vũ Minh Thúc	01-02-1977		Sở Tài nguyên và Môi trường	49/60		52,75
137	CVC 137	Đào Thị Thuý		16/4/1980	Trung tâm Phục vụ HCC, Văn phòng UBND tỉnh	50/60		50,25

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
138	CVC 138	Trần Thị Diệu Thúy		10/9/1985	Phòng Quản lý KHCN, Sở Khoa học và Công nghệ	45/60		68,25
139	CVC 139	Vũ Thị Thúy		22-02-1982	Phòng Lao động TB&XH thành phố	48/60		77,25
140	CVC 140	Lê Thị Thủy		15/01/1972	Văn phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
141	CVC 141	Trương Thị Tiên		07-12-1989	phòng Hành chính và BTTP Sở Tư pháp	54/60		70,5
142	CVC 142	Trần Đình Tiến	07/11/1977		UBND thành phố	53/60		72,25
143	CVC 143	Vũ Hữu Tiến	10/5/1972		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	38/60		37,75
144	CVC 144	Vùi Văn Tiến	08/9/1981		Phòng Bưu chính viễn thông CNTT, Sở Thông tin và Truyền thông	34/60		51,75
145	CVC 145	Nguyễn Thị Thanh Tình		24/10/1982	Phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố Lai Châu	46/60		69,25
146	CVC 146	Lê Quý Toàn	21-05-1974		Liên minh HTX tỉnh	45/60		62,75
147	CVC 147	Vũ Trọng Toàn	30/8/1974		Phòng Chính sách Dân tộc - Ban Dân tộc	51/60		64,75

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
148	CVC 148	Cao Văn Trinh	29/9/1986		Phòng Nội Vụ huyện Phong Thổ	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
149	CVC 149	Hoàng Quốc Trung	31-05-1972		Phòng QL VHGD, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	47/60		52
150	CVC 150	Phạm Hồng Trường	27-03-1984		Phòng Tổng hợp - Nội chính, Văn phòng UBND tỉnh	48/60		64
151	CVC 151	Trần Xuân Trường	09/01/1981		Phòng Tổng hợp, Quy hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư	45/60		57,5
152	CVC 152	Hoàng Công Tuấn	15/6/1983		Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế	49/60		50,25
153	CVC 153	Hà Trọng Tuấn	8/12/1976		Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Uyên	45/60		57,5
154	CVC 154	Nguyễn Văn Tuấn	24/12/1983		Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Lai Châu	42/60		71
155	CVC 155	Nguyễn Đăng Tuấn	02-10-1985		phòng Hành chính và BTTP Sở Tư pháp	52/60		59,5
156	CVC 156	Trần Văn Tuấn	18/12/1973		Sở Khoa học và Công nghệ	45/60		70,5
157	CVC 157	Mạc Thị Kim Tuyền		03/4/1982	Chi cục Trồng trọt & Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	45/60		72,5

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan đơn vị đang làm việc	ĐIỂM THI		
			Nam	Nữ		Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng/Tổng số 60 câu hỏi của môn thi)	Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng/Tổng số 30 câu hỏi của môn thi)	Chuyên môn nghiệp vụ (Điểm số)
158	CVC 158	Lê Ánh Tuyết		27/11/1981	Ban Tiếp công dân, Văn phòng UBND tỉnh	40/60		71
159	CVC 159	Phan Xuân Văn	17/3/1980		Phòng Nội Vụ huyện Phong Thổ	47/60		70
160	CVC 160	Phạm Thị Vóc		10/02/1985	phòng Xây dựng, KT&THPL Sở Tư pháp	53/60		72,25
161	CVC 161	Giàng Thị Xoa		27-07-1971	HĐND thành phố Lai Châu	45/60		74,5

Tổng số: 161 thí sinh đủ điều kiện

- Tổng số thí sinh dự thi: 157 người

- Số thí sinh bỏ thi: 04 người

- Tổng số thí sinh có điểm từ 50 trở lên của môn chuyên môn nghiệp vụ và số câu trả lời đúng trên 50% số câu hỏi của môn kiến thức chung và môn ngoại ngữ (trừ môn miễn thi): 146 bài.

- Tổng số thí sinh có điểm dưới 50 của môn chuyên môn nghiệp vụ và số câu trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi của môn ngoại ngữ (trừ môn miễn thi): 11 bài.

